**Phần II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ**

**CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Lĩnh vực lâm nghiệp**

**1. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận.

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4: Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện:**Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký khai thác.

+ Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế.

+ Thuyết minh thiết kế khai thác.

+ Bản đồ khu khai thác.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f)Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Các chủ rừng là tổ chức (gồm: Các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

- Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác (Phụ lục 1).

- Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính.**

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**2. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận.

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4: Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c)Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

+ Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Các chủ rừng là tổ chức (gồm: Các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

- Các chủ rừng là hộ gia đình (gồm: Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

*-* Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

*-* Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện THC:**

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**3. Khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán của chủ rừng là hộ gia đình**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Các tổ chức, hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận.

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4: Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c)Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

+ Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

- Các chủ rừng là tổ chức (gồm: Các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

- Các chủ rừng là hộ gia đình (gồm: Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

- Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

- Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**4. Khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ)**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Các tổ chức, hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận.

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4: Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

+ Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**:

- Các chủ rừng là tổ chức (gồm: Các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

- Các chủ rừng là hộ gia đình (gồm: Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

- Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

- Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện THC:**

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**5. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận.

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4: Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

+ Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

+ Hồ sơ thiết kế, dự án lâm sinh do chủ rừng tự phê duyệt hoặc đề cương nghiên cứu khoa học, kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Các chủ rừng là tổ chức (gồm: Các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

- Bản dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2).

- Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3).

(Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

[**6. Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)**](http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=24875)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Các tổ chức, hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Nhận kết quả tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký khai thác

- Bảng dự kiến sản phẩm khai thác

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Uỷ ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Uỷ ban nhân dân cấp xã

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí**: Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC**: Điều 13, 14,19, 20, 24, 25 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**7.** [**Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình**](http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=24876)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Nhận kết quả tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng lý khai thác.

- Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

- Sơ đồ khu khai thác.

\* Số lượng hồ sơ:  01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**:

 - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Uỷ ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Uỷ ban nhân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:  Uỷ ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Uỷ ban nhân dân cấp xã

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí:** Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:** Điều 20 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**8.** [**Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức**](http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=24870)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Nhận kết quả tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Tên thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký khai thác

- Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế

- Thuyết minh thiết kế khai thác

- Bản đồ khu khai thác

\* Số lượng bộ hồ sơ:  01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Uỷ ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:  Uỷ ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Uỷ ban nhân dân cấp xã

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí:** Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Bản đăng ký khai thác; Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

**i). Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:** Điều 9 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**9.** [**Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)**](http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=24878)

**a) Trình tự thực hiện:**

a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

b) Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ;

c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

d) Nhận kết quả tại Uỷ ban nhân dân cấp xã;

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký khai thác

- Bảng dự kiến sản phẩm khai thác

- Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã  
- Bản thiết kế hoặc dự án lâm sinh do chủ rừng tự phê duyệt.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Uỷ ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Uỷ ban nhân dân cấpxã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:  Uỷ ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Uỷ ban nhân dân cấp xã

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

**g) Lệ phí**: Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Điều 23 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

**10.** [**Xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán.**](http://www.mard.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=24768)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Chủ lâm sản chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Chủ lâm sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Uỷ ban nhân dân xã

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay cho chủ lâm sản biết và hướng dẫn chủ lâm sản hoàn thiện hồ sơ

- Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay

- Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Uỷ ban nhân dân xã xác nhận trên bảng kê lâm sản (có chữ ký của Kiểm lâm địa bàn trên bảng kê lâm sản)

- Xác minh nguồn gốc (nếu có): Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản trong trường hợp phải xác minh tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trả kết quả: Chủ lâm sản nhận kết quả xác nhận tại Uỷ ban nhân dân xã nơi nộp hồ sơ

**b) Cách thức thực hiện**: Trực tiếp

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Bảng kê lâm sản (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012);

- Hoá đơn bán hàng (nếu có);

- Tài liệu về nguồn gốc lâm sản;

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

**d) Thời hạn giải quyết** :

- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh)

- Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản)

**e) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân xã

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Uỷ ban nhân dân xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Kiểm lâm địa bàn

**f) Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Bảng kê lâm sản

- Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Kết quả: Xác nhận trên bảng kê lâm sản

**j) Điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01  năm 2012.

**11. Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.**

**a) Trình tự thực hiện**

- Đối với Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn

- Đối với cơ quan HCNN:

+ Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn

+ Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay;

+ Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ trước khi cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ cây cảnh biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, số lượng, khối lượng, loài cây; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Thời hạn xác nhận nguồn gốc cây cảnh trong trường hợp này tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trả kết quả khi đến hẹn.

**b) Cách thức thực hiện**: Trực tiếp tại UBND cấp xã

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

\* Thành phần hồ sơ:

- Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ;

- Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng nếu có;

- Tài liệu về nguồn gốc cây cảnh.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**d) Thời gian giải quyết**: Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh).

**e) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức; cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

**f) Cơ quan thực hiện**: UBND xã, phường, thị trấn

**g) Kết quả thực hiện**: Xác nhận trên bảng kê lâm sản

**h) Lệ phí**: Không.

**i) Mẫu đơn mẫu tờ khai:** [Mẫu bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ](http://vanban.hanoi.gov.vn/documents/10182/2519670/9993.doc?version=1.0) ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

**j) Yêu cầu giải quyết TTHC**: Không

**k) Cơ sở pháp lý:**

- Quyết định số [39/2012/QĐ-TTg](http://vanban.hanoi.gov.vn/documents/10182/2519670/13129.doc?version=1.0) ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ;

- Quyết định số 36/QĐ-BNN-TCKL ngày 07/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc pham vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**12. Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp đơn xin giao rừng tại thôn hoặc tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

- Khi đến nộp hồ sơ: Cá nhân nộp đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.

- Cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và nội dung, thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Đến ngày hẹn trả kết quả trong phiếu, người nộp hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để nhận kết quả (trường hợp nhận hộ thì phải có giấy ủy quyền hợp lệ). Người nộp hồ sơ đóng phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị giao rừng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 36 (ba mươi sáu) ngày làm việc. Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tham mưu: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Cơ quan có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý lĩnh vực lâm nghiệp: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao rừng: 03 (ba) ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết định giao rừng: 03 (ba) ngày làm việc.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Hộ gia đình, cá nhân.

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị giao rừng (Phụ lục 3, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định hành chính.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**13. Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Cộng đồng dân cư thôn họp thôn để thống nhất các vấn đề chủ yếu sau:

- Thông qua đơn đề nghị Nhà nước giao rừng cho cộng đồng thôn.

- Thông qua kế hoạch quản lý khu rừng sau khi được Nhà nước giao rừng, kế hoạch quản lý rừng do cộng đồng dân cư thôn.

- Cuộc họp dân cư thôn phải có ít nhất 70% số hộ gia đình nhất trí đề nghị được giao rừng.

Cộng đồng dân cư thôn nộp 01 bộ hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

- Khi đến nộp hồ sơ: Cá nhân, tổ chức nộp đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.

- Cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và nội dung, thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Đến ngày hẹn trả kết quả trong phiếu, người nộp hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để nhận kết quả (trường hợp nhận hộ thì phải có giấy ủy quyền hợp lệ). Người nộp hồ sơ đóng phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị giao rừng do đại diện thôn ký.

+ Kế hoạch quản lý rừng do cộng đồng dân cư thôn cùng biên bản thông qua của cộng đồng thôn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 31 (ba mươi mốt) ngày làm việc. Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tham mưu: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Cơ quan có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý lĩnh vực lâm nghiệp: 10 (mười) ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao rừng: 03 (ba) ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết định giao rừng: 03 (ba) ngày làm việc.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cộng đồng dân cư thôn.

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị giao rừng (Phụ lục 4, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định hành chính.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**14. Cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân**

**a) Trình tự thực hiện**:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp đơn xin thuê rừng kèm theo kế hoạch sử dụng rừng tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.

- Khi đến nộp hồ sơ: Cá nhân nộp đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.

- Cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và nội dung, thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức nhận và viết giấy hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Đến ngày hẹn trả kết quả trong phiếu, người nộp hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để nhận kết quả (trường hợp nhận hộ thì phải có giấy ủy quyền hợp lệ). Người nộp hồ sơ đóng phí, lệ phí (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện**:Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị thuê rừng.

+ Kế hoạch sử dụng rừng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 46 (bốn mươi sáu) ngày làm việc. Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tham mưu: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Cơ quan có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý lĩnh vực lâm nghiệp: 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao rừng: 13 ngày làm việc.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyết định giao rừng: 03 (ba) ngày làm việc.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Hộ gia đình, cá nhân.

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

- Đơn đề nghị thuê rừng (Phụ lục 6).

- Kế hoạch sử dụng rừng (Phụ lục 7).

Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định hành chính.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**II. Lĩnh vực chăn nuôi**

**15. Top of Form**

**Cấp sổ đăng ký nuôi vịt chạy đồng.**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi vịt chạy đồng phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng về UBND cấp xã.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì UBND cấp xã  tiếp nhận giải quyết.

+ Trường hợp hợp hồ sơ thiếu thì yêu cầu người nộp bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định.

Bước 2. Nhận kết quả tại UBND cấp xã.

**b) Cách thức thực hiện**: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký cấp Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

 + Xuất trình Chứng minh thư nhân dân hoặc sổ hộ khẩu gia đình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d)** **Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn đăng ký của cá nhân, hộ gia đình.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, hộ gia đình.

**f) Cơ quan thực hiện TTHC:** UBND cấp xã.

**g)** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng.

**h)** **Lệ phí:** Không.

**i)** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Đơn đăng ký cấp Sổ đăng ký nuôi vịt chạy đồng (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**j)** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**k)** **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16/10/2007 của Thủ tướng chính phủ về điều kiện ấp trứng gia cầm và chăn nuôi thuỷ cầm;

- Thông tư số 92/2008/TT-BNN ngày 19/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16/10/2007 của Thủ tướng chính phủ về điều kiện ấp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm;

- Thông tư số19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc  Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

**III. Lĩnh vực trồng trọt**

**16. Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người sử dụng đất có yêu cầu chuyển đổi chuẩn bị hồ sơ.

- Bước 2: Người sử dụng đất, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký chuyển đổi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.

- Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đăng ký chuyển đổi, Ủy ban nhân dân cấp xác nhận “Đồng ý cho chuyển đổi” đóng dấu vào bản đăng ký gửi lại người sử dụng đất, vào sổ theo dõi việc sử dụng đất trồng lúa; Trường hợp đơn không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho người sử dụng đất, chỉnh sửa, bổ sung đơn đăng ký;

- Bước 4: Trường hợp không đồng ý cho chuyển đổi, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người sử dụng đất, nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**- Thành phần hồ sơ gồm:** Đơn đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

**- Số lượng:** 01 (bộ)

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoặc cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã vào Đơn đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa;

**h) Lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (Phụ lục IA kèm theo Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

+ Thông báo không tiếp nhận bản đăng ký chuyển đổi cây trồng trên đất chuyên trồng lúa (phụ lục IIA kèm theo Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

**j) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm:

+ Không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại: Không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;

+ Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa của cấp xã (sau đây gọi là kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa);

- Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm:

+ Chuyển đổi phải theo vùng để hình thành các vùng sản xuất tập trung và đảm bảo phục hồi lại được mặt bằng khi chuyển trở lại để trồng lúa;

+ Việc chuyển đổi phải đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương.

+ Việc chuyển đổi phải đảm bảo tính công khai, minh bạch.

- Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:

Cho phép sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng cho nuôi trồng thủy sản,độ sâu mặt bằng hạ thấp không quá 120cm nhưng phục hồi lại được mặt bằng khi chuyển trở lại để trồng lúa.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**-** Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa;

- Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện nội dung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa quy định tại Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa;

- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn thực hiện nội dung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa quy định tại Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

**VI. Lĩnh vực thủy sản**

**17. Thủ tục kiểm tra, chứng nhận cơ sở kinh doanh thủy sản đủ điều kin bảo đảm an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ sở kinh doanh thủy sản có đăng ký kinh doanh do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đóng tại địa bàn xã chỉ có sản phẩm phục vụ tiêu thụ nội địa lập và gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra cho cơ quan kiểm tra.

Bước 2: Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra của cơ sở, cơ quan kiểm tra phải xem xét, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Bước 3: Nếu hồ sơ đăng ký phù hợp cơ quan kiểm tra thông báo cho cơ sở thời gian tiến hành kiểm tra.

Bước 4: Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra tại cơ sở.

Bước 5: Công nhận kết quả kiểm tra:

- Đối với cơ sở đạt yêu cầu: Thông báo kết quả kiểm tra tới cơ sở và cấp giấy chứng nhận (nếu có yêu cầu).

- Đối với cơ sở không đạt yêu cầu:

+ Thông báo kết quả và yêu cầu thời hạn báo cáo kết quả khắc phục.

+ Kiểm tra lần hai: Thông báo kết quả kiểm tra tới cơ sở đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận (nếu có yêu cầu) hoặc thông báo cơ quan có thẩm quyền thực hiện xử phạt hành chính, đồng thời kiến nghị tới các cơ quan chức năng xem xét thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã cấp cho cơ sở không đạt yêu cầu kiểm tra lần hai.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Fax có xác nhận qua điện thoại (sau đó cơ sở gửi 01 giấy đăng ký kiểm tra bản chính tới cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại cơ sở cung cấp khi đoàn kiểm tra đến kiểm tra tại cơ sở).

- Thư điện tử (sau đó cơ sở gửi 01 giấy đăng ký kiểm tra hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi tới cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại cơ sở cung cấp khi đoàn kiểm tra đến kiểm tra).

- Đăng ký trực tuyến (sau đó cơ sở gửi 01 giấy đăng ký kiểm tra hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi tới cơ quan kiểm tra, các hồ sơ còn lại cơ sở cung cấp khi đoàn kiểm tra đến kiểm tra).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đăng ký kiểm tra (theo Mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở.

+ Báo cáo hiện trạng về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (không áp dụng đối với tàu cá); (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

+ Bảng tổng hợp kế hoạch HACCP cho nhóm sản phẩm tương tự đăng ký kiểm tra (áp dụng đối với các cơ sở thuộc diện bắt buộc phải xây dựng và thực hiện chương trình đảm bảo CL, ATTP theo nguyên tắc HACCP theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02 - 02: 2009/BNNPTNT).

Đối với các cơ sở đăng ký kiểm tra sau khi khắc phục sai lỗi của lần kiểm tra trước, cơ sở chỉ lập hồ sơ bao gồm 01 (một) báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) gửi cơ quan kiểm tra.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết**: 22 (hai mươi hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ - hoàn thành kiểm tra, bao gồm: 15 (mười lăm) ngày làm việc – thẩm tra hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra và kiểm tra, đánh giá tại cơ sở; 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra - xử lý kết quả và thông báo kết quả kiểm tra, công nhận.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy đăng ký kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản (Phụ lục 1).

- Báo cáo hiện trạng về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (Phụ lục 2).

- Báo cáo khắc phục các sai lỗi (Phụ lục 3) (đối với các cơ sở đăng ký kiểm tra lại do kết quả kiểm tra lần trước không đạt).

Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## h) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp (Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Công nhận kết quả kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra đạt yêu cầu tới cơ sở/thông báo kết quả đối với cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thủy sản (nếu cơ sở có yêu cầu). Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC:**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác.

- Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Có đủ trang thiết bị phù hợp để xử lý nguyên liệu, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển các loại thực phẩm khác nhau; có đủ trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện rửa và khử trùng, nước sát trùng, thiết bị phòng, chống côn trùng và động vật gây hại.

- Có hệ thống xử lý chất thải và được vận hành thường xuyên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Tuân thủ quy định về sức khoẻ, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010.

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thủy sản.

18. Cấp lại giấy chứng nhận ATTP trong kinh doanh thủy sản (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)

a)Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở kinh doanh thủy sản gửi văn bản tới cơ quan kiểm tra đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP khi giấy chứng nhận ATTP bị mất, hư hỏng, khi cơ sở có thay đổi hay bổ sung thông tin có liên quan.

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra thực hiện cấp lại giấy chứng nhận ATTP cho cơ sở.

**b) Cách thức thực hiện:** Một trong bốn cách sau:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

- Thư điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

- Mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận ATTP (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết**: 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị cấp lại của cơ sở.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**: UBND cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**h) Phí, lệ phí**: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp (Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

**i) Kết quả thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thủy sản(nếu cơ sở có yêu cầu).Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hết hiệu lực của giấy chứng nhận ATTP cũ.

**j) Điều kiện thực hiện TTHC**: Không.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010.

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thủy sản.

V. Lĩnh vực phát triển nông thôn

19. Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2. Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, giải quyết theo thời hạn.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn một lần bằng văn bản (không thu lệ phí) để người dân hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.

Bước 3. Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã;

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân (Phụ lục I - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

+ Biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân với nông dân

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: Ngay trong ngày làm việc.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

**f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Phụ lục I - Thông tư số 15/2014/TT-NNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không.

**j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

**20. Cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại**

**a. Trình tự thực hiện**

Bước 1: Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ về bộ phận Một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định và phải được điền đầy đủ thông tin vào Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thì viết Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ trong đó ghi rõ ngày hẹn trả kết quả;

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền hoàn  thiện, bổ sung hồ sơ bằng phiếu hướng dẫn.

Đối với cơ sở sản xuất nằm trên địa bàn nhiều xã thì cá nhân, hộ gia đình tự quyết trong việc lựa chọn Ủy ban nhân dân cấp xã nào nộp hồ sơ cho thuận tiện nhất. Trường hợp cấp đổi, chủ trang trại nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã thực hiện cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện.

Trường hợp không xác nhận đơn đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 3: Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền nhận kết quả theo giấy hẹn.

**b. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại UBND cấp xã.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Đối với diện tích đất cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất xác nhận là người đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp;

+ Phiếu kê khai thông tin của trang trại.

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+ Giấy chứng nhận trang trại đã được cấp;

+ Phiếu kê khai thông tin của trang trại.

+ Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh thay đổi tên chủ trang trại với trường hợp thay đổi tên chủ trang trại.

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại do bị mất, cháy, rách, nát

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai;

+ Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đã được cấp trong trường hợp rách, nát.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc. Cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện tiến hành thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho chủ trang trại.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

**f. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền.

**g. Tên mẫu đơn, tờ khai**:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 27 /2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại).

- Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo theo Thông tư 27 /2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại).

**h. Phí, lệ phí:** Không

**i. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**j) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:**

Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

1. Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt:

a) Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu 3,1 ha.

b) Có giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 700 triệu đồng/năm trở lên.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên đồng thời thỏa mãn các điều kiện về quy mô đàn như sau:

a) Chăn nuôi đại gia súc: Trâu, bò, v.v...

- Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa có thường xuyên từ 20 con trở lên.

- Chăn nuôi lấy thịt có thường xuyên từ 50 con trở lên.

- Trường hợp có cả chăn nuôi sinh sản và lấy thịt thì việc thống kê đầu con được tính như sau: Quy đổi theo tỷ lệ 2,5 con thịt bằng 01 con sinh sản và ngược lại.

b) Chăn nuôi gia súc: Lợn, dê, v.v...

- Chăn nuôi sinh sản đối với lợn có thường xuyên từ 30 con trở lên, đối với dê, cừu từ 100 con trở lên.

- Chăn nuôi thịt đối với lợn có thường xuyên từ 100 con trở lên (không kể lợn sữa); dê, cừu thịt từ 300 con trở lên.

- Trường hợp có cả chăn nuôi sinh sản và lấy thịt thì việc thống kê đầu con được tính như sau: Quy đổi theo tỷ lệ 03 con thịt bằng 01 con sinh sản và ngược lại.

c) Chăn nuôi gia cầm:

- Đối với gà, vịt..., thịt: Có thường xuyên từ 5.000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 07 ngày tuổi).

- Đối với gà, vịt..., đẻ (trứng thương phẩm, con giống...) có thường xuyên từ 2.000 con trở lên.

- Trường hợp có cả chăn nuôi đẻ và lấy thịt thì việc thống kê đầu con được tính như sau: Quy đổi theo tỷ lệ 2,5 con thịt bằng 01 con sinh sản và ngược lại.

d) Đối với cơ sở chăn nuôi nhiều loại gia súc, gia cầm thì tiêu chí để xác định kinh tế trang trại là giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên.

e) Đối với loại hình trang trại chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm khác như: cút, chim…hoặc các động vật khác được các cơ quan chức năng cho phép nuôi thì tiêu chí để xác định kinh tế trang trại là giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 1.000 triệu đồng Việt Nam/năm trở lên.

3. Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

4. Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản theo hình thức lồng bè thì tiêu chí xác định là giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 700 triệu đồng/năm trở lên.

5. Đối với trang trại đặc thù: Trồng nấm, nuôi Ong, sinh vật cảnh, giống thủy sản và thủy đặc sản thì tiêu chí xác định là giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng Việt Nam/năm trở lên.

**k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 10, Điều 11, Thông tư số 27 /2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;

- Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 về việc Bổ sung Quy định về tiêu chí trang trại, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh ban hành tại Quyết định 3196/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh.

**VI. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật**

**21. Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đồng ý cho tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật vào Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

Trường hợp không xffc nhận, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ được nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt địa chỉ giao dịch.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- 02 bản Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học hoặc Giấy chứng nhận tập huấn về bảo vệ thực vật (đối với dịch vụ thực hiện các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật).

- Bản sao chụp một trong những giấy tờ xác định địa chỉ giao dịch: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà ở gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; Hợp đồng thuê nhà hợp pháp còn hiệu lực tối thiểu là 01 (một) năm; Sổ hộ khẩu (đối với cá nhân).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**h) Lệ phí (nếu có)**: Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT).

**j) Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013.

- Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**VII. Lĩnh vực Thủy lợi**

**22. Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước *(Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).***

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại UBND cấp xã để thực hiện xem xét thanh toán, giải ngân.

Bước 2: Đối với hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, UBND cấp xã đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thực hiện nếu hồ sơ không hợp lệ.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt UBND cấp xã thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho người đề nghị hỗ trợ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Gửi đến UBND cấp xã.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018;

+ Hồ sơ được phê duyệt;

+ Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Số lượng: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:**

Các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

**f) Cơ quan thực hiện TTHC:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị về việc hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (mẫu kèm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ).

**j) Điều kiện thực hiện TTHC:**

- Đối với Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước:

+ Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã;

+ Đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 3 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

+ Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

+ Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

+ Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tưới phục vụ các loại cây trồng là cây trồng chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.